

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2020/DS-ST
Ngày 29 - 4 - 2020
“Về tranh chấp HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nhị.
Ông Nguyễn Hồng Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Ông Nguyễn Thường Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 335/2019/TLST–DS ngày 24 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng C. Địa chỉ: Tòa nhà CCS, phường H, quận M, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T- Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Hoàng T - Chức vụ Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T thuộc Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Long An. Địa chỉ phòng giao dịch: Đường số 1 khu dân cư Thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn L1, sinh năm 1963 và ông Trần Quốc B, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ Phú, huyện T, tỉnh Long An. (Ông L1 có mặt, ông B vắng mặt.)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1963. Địa chỉ: Khu dân cư ấp 2, xã Mỹ Phú, huyện T, tỉnh Long An.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 8 năm 2019 và tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn là ông Hồ Hoàng T trình bày: Ngân hàng C, Phòng giao dịch huyện T cho bà Huỳnh Thị Đ và ông Trần Văn L1 vay ba khoản như sau:

Ngày 06-12-2007, bà Huỳnh Thị Đ vay theo chương trình cho vay trả chậm nhà ở số tiền gốc là 9.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 năm, lãi suất trong hạn là 0.25%/tháng, lãi suất quá hạn 0,325%/tháng, định kỳ 01 năm trả tiền gốc 01 lần là 1.800.000 đồng, tiền lãi trả hàng tháng. Sau khi vay tiền bà Đ và ông L1 không trả tiền gốc vay theo phân kỳ, tiền lãi trả không đầy đủ. Tính đến ngày 29-4-2020 thì bà Đ và ông L1 còn nợ tiền gốc vay chưa trả là 9.000.000 đồng, tiền lãi là 984.409 đồng.

Ngày 06-12-2007, bà Huỳnh Thị Đ vay theo chương trình cho vay nền nhà trả chậm số tiền gốc là 9.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 năm, không có lãi, định kỳ 01 năm trả 01 lần tiền gốc là 1.800.000 đồng. Sau khi vay tiền bà Đ và ông L1 không trả tiền gốc vay theo phân kỳ, tính đến ngày 29-4-2020 thì bà Đ và ông L1 còn nợ tiền gốc vay chưa trả là 9.000.000 đồng.

Ngày 25-3-2016, bà Huỳnh Thị Đ vay theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền gốc vay là 12.000.000 đồng, lãi suất là 0,75%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng, định kỳ 06 tháng trả 01 lần tiền gốc là 1.200.000 đồng, đến ngày 13-3-2021 trả hết tiền vay. Sau khi vay tiền bà Đ và ông L1 không trả tiền gốc vay theo phân kỳ, tiền lãi trả không đầy đủ. Tính đến ngày 29-4-2020 thì bà Đ và ông L1 còn nợ tiền gốc vay chưa trả là 9.600.000 đồng, tiền lãi là 3.937.602 đồng.

Năm 2018, bà Đ đi chấp hành án phạt tù nên các thành viên trong hộ cử ông L1 đại diện nên Ngân hàng chính sách xã hội khởi kiện yêu cầu ông L1 và anh Trần Quốc B là con ông L1 phải trả toàn bộ nợ vay đến hạn. Nay bà Đ trở về địa phương nên Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu bà Đ phải cùng với ông L1 trả các khoản vay đến hạn gồm 27.600.000 đồng gốc vay và tiền lãi đến ngày 29-4-2020 là 4.942.011 đồng. Ngân hàng C không yêu cầu đối với anh Trần Quốc B.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Văn L1 trình bày: Năm 2007, ông L1 cùng vợ là bà Đ có vay của Ngân hàng C theo chương trình cho vay trả chậm nhà ở số tiền gốc là 9.000.000 đồng và chương trình cho vay nền nhà trả chậm số tiền gốc là 9.000.000 đồng. Năm 2016, ông và bà Đ vay theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền gốc vay là 12.000.000 đồng. Các khoản tiền vay ông L1 và bà Đ trả không đầy đủ, số tiền còn nợ đúng như đại diện ngân hàng đã trình bày. Ông L1 chịu trách nhiệm trả hết nợ cho ngân hàng, còn Trần Quốc B là con của ông không phải trả vì tiền vay do ông L1 nhận và trực tiếp chi tiêu.

Bị đơn là anh Trần Quốc B đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C nhưng anh B không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án, không tham gia tố tụng.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Đ trình bày: Năm 2007, bà Đ có vay của Ngân hàng C theo chương trình cho vay trả chậm nhà ở số tiền gốc là 9.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 0.25%/tháng, lãi suất quá hạn 0,325%/tháng; vay chương trình cho vay nền nhà trả chậm số tiền gốc là 9.000.000 đồng, không có lãi. Thời hạn vay là 10 năm, định kỳ 01 năm trả tiền gốc 01 lần là 1.800.000 đồng, tiền lãi trả hàng tháng. Năm 2016, bà Đ vay theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông

thôn số tiền gốc vay là 12.000.000 đồng, lãi suất là 0,75%/tháng, hạn trả hết là ngày 13-3-2021. Khi bà Đ bị Tòa án xử phạt tù thì ông L1 và anh B có giấy ủy quyền nhận nợ toàn bộ nợ vay, do trả nợ không đúng hạn nên Ngân hàng khởi kiện. Hiện tại bà Đ và ông L1 đã ly hôn nhưng chưa chia tài sản, bà Đ đề nghị Ngân hàng cho trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, bà Đ và ông L1 mỗi người trả 2.500.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Quá trình thụ lý vụ án Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự phiên tòa sơ thẩm. Anh Trần Quốc B được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Về quan điểm giải quyết tranh chấp, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án thì việc khởi kiện của Ngân hàng C yêu cầu ông L1 và bà Đ trả các khoản vay đến hạn gồm 27.600.000 đồng gốc vay và 4.942.011 đồng tiền lãi đến ngày 29-4-2020 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với ông L1 và bà Đ. Đại diện Ngân hàng đồng ý cho trả dần nên ông L1 và bà Đ được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng C khởi kiện ông Trần Văn L1, anh Trần Quốc B yêu cầu trả tiền nợ vay nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Bị đơn là anh B đã được Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa tiến hành tổng đạt văn bản thông báo việc mở phiên tòa lần thứ hai nhưng ông B vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh B.

[2] Về nội dung: Theo lời trình bày của các đương sự và tài liệu do các đương sự cung cấp xác định ông L1 và bà Đ có vay của Ngân hàng C ba khoản vay theo các chương trình vay vốn cụ thể sau:

Ngày 06-12-2007, vay theo chương trình cho vay trả chậm nhà ở số tiền gốc là 9.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 0.25%/tháng, lãi suất quá hạn 0,325%/tháng, trả lãi hàng tháng; vay theo chương trình cho vay nền nhà trả chậm số tiền gốc là 9.000.000 đồng, không có lãi. Thời hạn vay là 10 năm, định kỳ 01 năm trả tiền gốc 01 lần là 1.800.000 đồng.

Ngày 25-3-2006, vay theo chương trình cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền gốc vay là 12.000.000 đồng, lãi suất là 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn là 0.975%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng, định kỳ 06 tháng trả 01 lần tiền gốc là 1.200.000 đồng, thời hạn đến ngày 13-3-2021 trả hết tiền vay.

Sau khi vay ông L1 và bà Đ không trả lãi theo phân kỳ, có trả lãi nhưng không đầy đủ, tính đến ngày 29-4-2020 số tiền ông L1 và bà Đ chưa trả gồm 27.600.000 đồng gốc vay và 4.942.011 đồng tiền lãi. Ông L1 và bà Đ đồng ý trả

tiền nợ đến hạn theo như Ngân hàng yêu cầu. Như vậy Ngân hàng C yêu cầu ông L1 và bà Đ trả nợ đến hạn là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[3] Về phương thức trả nợ: Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng đồng ý cho bà Đ và ông L1 được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời gian bắt đầu trả là bản án có hiệu lực pháp luật (ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị). Trường hợp bà Đ và ông L1 không trả đúng kỳ hạn thì Ngân hàng C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án cưỡng chế thi hành toàn bộ số tiền nợ còn phải trả theo bản án. Ông L1 và bà Đ thống nhất nên ghi nhận cho ông L1 và bà Đ được trả dần.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với anh Trần Quốc B: Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng C rút yêu cầu khởi kiện đối với anh B. Vì vậy, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với anh Trần Quốc B và Ngân hàng không có quyền khởi kiện lại.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông L1 và bà Đ phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí là 1.627.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 39, 147, điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 218, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với ông Trần Văn L1 và bà Huỳnh Thị Đ về hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Trần Văn L1 và bà Huỳnh Thị Đ phải cùng liên đới trả cho Ngân hàng C (tại Phòng giao dịch huyện T) tiền gốc vay đến hạn là 27.600.000 đồng, tiền lãi đến ngày 29-4-2020 là 4.942.011 đồng. Trong đó gồm:

Tiền vay theo chương trình cho vay trả chậm nhà ở số tiền gốc là 9.000.000 (Chín triệu) đồng, tiền lãi là 984.409 (Chín trăm tám mươi bốn ngàn bốn trăm lẻ chín) đồng.

Tiền vay theo chương trình cho vay nền nhà trả chậm số tiền gốc là 9.000.000 (Chín triệu) đồng.

Tiền vay theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền gốc vay là 9.600.000 (Chín triệu sáu trăm ngàn) đồng, tiền lãi là 3.937.602 (Ba triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm lẻ hai) đồng.

Ông Trần Văn L1 và bà Huỳnh Thị Đ được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời gian bắt đầu trả là ngày 30-5-2020. Trường hợp bà Đ và ông L1 không trả đúng kỳ hạn thì Ngân hàng C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án cưỡng chế thi hành toàn bộ số tiền nợ còn phải trả theo bản án.

2/ Từ ngày 30-4-2020 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Văn L1 và bà Huỳnh Thị Đ phải tiếp tục trả lãi cho số tiền gốc vay theo mức lãi suất đã ký kết với Ngân hàng C tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với anh Trần Quốc B. Ngân hàng C không có quyền khởi kiện lại.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn L1 và bà Huỳnh Thị Đ phải liên đới chịu 1.627.000 (Một triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn) đồng.

Ngân hàng C, anh Trần Quốc B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29-4-2020. Bị đơn là anh Trần Quốc B vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Tiên